TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **335**/2025/HS-PT
Ngày: 16/6/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các thẩm phán: ông **Đặng Kim Nhân**

ông **Phạm Văn Hợp**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đinh Thị Trang**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Chiến**, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 185/2025/TLPT-HS ngày 22 tháng 4 năm 2025, đối với bị cáo Ke Jin P và các bị cáo khác, bị Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" và "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2025/HS-ST ngày 12/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. K2 (tên gọi khác: B), sinh ngày 10/5/1979 tại Trung Quốc; nơi thường trú: số B K, L, quận T, thành phố P, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc; nơi ở tại Việt Nam: 14 T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: nguyên quản lý bộ phận nhân sự Phòng khám Đ thuộc Công ty TNHH MTV D4; trình độ văn hóa (học vấn): học hết cấp 3; giới tính: nam; quốc tịch: Trung Quốc; con ông Ke Tai F và bà Ke Bi J; vợ là: Huang Li Xia và có 02 con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 02/02/2024 đến nay; có mặt.

2. Diệp Lệ N1, sinh ngày 14/3/1982 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: tháp RS1, phòng 19.10, chung cư B Hòa Bình, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc:

Hoa; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Diệp C (đã chết) và bà Lư N (đã chết); chồng: không xác định và có 01 con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/11/2024; có mặt.

3. Đào Vinh C1, sinh ngày 18/12/1990 tại thành phố Hải Phòng; nơi thường trú: tổ F, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nơi ở: 280 - B N, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: nguyên Giám đốc Công ty TNHH MTV D4; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Vinh H (đã chết) và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1962; có vợ là Lê Thu T, sinh năm 1991 và 01 con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 02/02/2024, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Ke Jin P: Luật sư Trần Văn H1 và Luật sư Nguyễn Thế A – Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ; đều có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Diệp Lệ N1: Luật sư Trần Xuân V1 – V4, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Đào Công V2: Luật sư Phạm Ngọc H2 – VPLS Đ, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ; có mặt.

- Người phiên dịch: bà Dương Minh T1, sinh năm 1997 – Chuyên viên Trung tâm phục vụ đối ngoại thành phố Đà Nẵng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH MTV D4 có mã số doanh nghiệp D5; đăng ký lần đầu ngày 30/3/2017; do Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Đ cấp; địa chỉ trụ sở: 2 N, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng; đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 21/6/2017 và lần thứ hai ngày 11/9/2017; đại diện theo pháp luật: Đào Vinh C1 – Giám đốc; lĩnh vực hoạt động: buôn bán đồ dùng khác cho gia đình (chi tiết: bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế), hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa… Tuy nhiên, trên thực tế người trực tiếp điều hành hoạt động của Công ty TNHH MTV D4 là Ke Zhi D (không rõ nhân thân, lai lịch; mang quốc tịch: Trung Quốc). Tháng 3/2018, Ke Zhi D tuyển dụng Ke Jin Peng vào làm việc tại Công ty TNHH MTV D4 đồng thời để Ke Jin Peng thay thế mình điều hành hoạt động của Công ty TNHH MTV D4.

Ngày 10/7/2017, Công ty TNHH MTV D4 ban hành Quyết định số 01/QĐ-CTHT, về việc thành lập Phòng khám Đ trực thuộc Công ty TNHH MTV D4; địa chỉ 2 N, phường K, Quận C, thành phố Đà Nẵng. Ngày 25/8/2017, Sở Y tế thành phố Đ cấp giấy phép hoạt động khám bệnh chữa bệnh số 0788/ĐNA-GPHĐ đối với Phòng khám Đ - Công ty TNHH MTV D4. Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật: Bác sỹ Hồ Lai D1 (số chứng chỉ hành nghề: 001819/ĐNA-CCHN; ngày cấp 12/02/2014; nơi cấp: Sở Y tế thành phố Đ); hình thức tổ chức: Phòng khám Đ; địa điểm hành nghề: 2 N, quận C, thành phố Đà Nẵng; phạm vi hoạt động chuyên môn: thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật được Giám đốc Sở Y tế phê duyệt (phạm vi hoạt động: Phòng khám C3, chuyên khoa Ngoại, chuyên khoa Phụ sản, chuyên khoa Da liễu; Phòng chẩn trị y học cổ truyền, siêu âm – chẩn đoán hình ảnh, xét nghiệm, nội soi tiêu hóa).

Ngày 26/12/2017, do có sự thay đổi về tên gọi và người chịu trách nhiệm chuyên môn, kỹ thuật của phòng khám nên Sở Y tế thành phố Đ đã thu hồi giấy phép cũ và cấp lại giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 0788/ĐNA-GPHĐ cho Phòng Khám Đ Công ty TNHH MTV D4. Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật: Bác sĩ Nguyễn Tấn P1 (số chứng chỉ hành nghề 004149/QNA-CCHN. Ngày cấp: 05/6/2014. Nơi cấp: Sở Y tế thành phố Đ).

Ngày 03/3/2023, do có sự thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn, kỹ thuật của phòng khám nên Sở Y tế thành phố Đ đã thu hồi giấy phép cũ và cấp lại Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 0788/ĐNA-GPHĐ cho Phòng Khám Đ Công ty TNHH MTV D4. Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật: Bác sĩ Nguyễn Văn V3 (số chứng chỉ hành nghề 007476/QNA-CCHN. Ngày cấp: 10/6/2019. Nơi cấp: Sở Y tế tỉnh Q).

Trong quá trình hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, tại phòng khám có nhiều bác sĩ là người Trung Quốc tham gia khám chữa bệnh như: Xie D, H, Y, Jiang S, … Để những người này có thể tham gia khám chữa bệnh tại Việt Nam, theo quy định phải có người phiên dịch được cấp Giấy chứng nhận đủ trình độ phiên dịch ngôn ngữ trong khám bệnh, chữa bệnh (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận) của cơ sở giáo dục do Bộ Y1 chỉ định tham gia trong quá trình khám, chữa bệnh.

Do việc thuê những người có đủ điều kiện phiên dịch trong khám, chữa bệnh phải trả chi phí cao nên để giảm chi phí, Ke Jin Peng yêu cầu Nguyễn Thị T2 (là Trưởng Phòng nhân sự) tuyển dụng nhân viên phiên dịch vào làm việc tại Phòng khám với tiêu chuẩn: chỉ cần biết giao tiếp tiếng Trung Quốc. Những người này chưa được các cơ sở đào tạo được Bộ Y1 chỉ định cấp giấy chứng nhận đủ trình độ phiên dịch tiếng Trung Quốc trong khám bệnh, chữa bệnh tại Việt Nam. Tuy nhiên, để đảm bảo hồ sơ đăng ký hành nghề, bổ sung đăng ký hành nghề cho các bác sĩ là người Trung Quốc theo quy định, Ke Jin P nhiều lần yêu cầu Nguyễn Thị T2 lấy ảnh thẻ, thông tin của các nhân viên phiên dịch làm việc tại Phòng khám Đ (trong hồ sơ xin việc hoặc yêu cầu nhân viên phiên dịch cung cấp với lý do để hoàn thiện

hồ sơ nhân sự) đưa cho K Jin Peng để làm giả giấy chứng nhận đủ trình độ phiên dịch ngôn ngữ trong khám bệnh, chữa bệnh thì Nguyễn Thị T2 đồng ý. Nguyễn Thị T2 trực tiếp hoặc yêu cầu Nguyễn Thảo A1 (là nhân viên bộ phận nhân sự) lấy ảnh thẻ, thông tin của các nhân viên phiên dịch đưa cho Nguyễn Thị T2 để Nguyễn Thị T2 đưa cho Ke Jin P. Sau đó, K Jin Peng gửi ảnh và thông tin của những người này cho Diệp Lệ N1, nhờ Diệp Lệ N1 làm giả giấy chứng nhận đủ trình độ phiên dịch ngôn ngữ trong khám bệnh, chữa bệnh. Mặc dù, Diệp Lệ N1 biết Ke Jin P làm giả giấy chứng nhận đủ trình độ phiên dịch ngôn ngữ trong khám bệnh, chữa bệnh để làm hồ sơ đăng ký hành nghề, bổ sung đăng ký hành nghề cho các bác sĩ là người Trung Quốc gửi Sở Y tế nhưng Diệp Lệ N1 vẫn đồng ý giúp làm giả với số tiền 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/01 giấy chứng nhận. Sau đó, Diệp Lệ N1 truy cập vào trang mạng xã hội Facebook tìm kiếm các trang chuyên làm giả giấy tờ tài liệu, Diệp Lệ N1 tìm thấy có trang có tên "Trung tâm làm giả chứng chỉ", sau đó Diệp Lệ N1 liên hệ với trang này để làm giả giấy chứng nhận với số tiền 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng/01 giấy chứng nhận. Sau khi làm xong, đối tượng làm giả đưa cho shipper mang đến giao cho Diệp Lệ N1 và lấy tiền. Sau đó, Diệp Lệ N1 gửi cho K Jin Peng thông qua tên người nhận: Dương Trần Bách B1 (là lái xe của Ke J), Dương Trần Bách B1 nhận đưa lại cho Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị T2 đưa cho Ngô Nhật T3 và Dương Cẩm N2 (là các nhân viên phòng nhân sự) cất giữ để làm hồ sơ đăng ký hành nghề, bổ sung đăng ký hành nghề cho các bác sĩ là người Trung Quốc tại phòng khám.

Mỗi lần cần làm hồ sơ đăng ký hành nghề, bổ sung đăng ký hành nghề cho các bác sĩ người Trung Quốc tại phòng khám thì Nguyễn Thị T2 trực tiếp hoặc yêu cầu Dương C, Ngô Nhật T3, lấy các giấy chứng nhận đủ trình độ phiên dịch Tiếng Trung trong khám bệnh, chữa bệnh tại Việt Nam (đã làm giả trước đó) đưa cho D2 Trần Bách B1, Đinh Văn M (là lái xe của công ty) mang đến công chứng, chứng thực tại P quận C, UBND phường K, quận C, Văn phòng C4, Văn phòng C5, Văn phòng C6. Sau đó, Dương Trần Bách B1, Đinh Văn M mang về đưa lại cho Nguyễn Thị T2. Nguyễn Thị T2 lập công văn, danh sách đăng ký hành nghề khám chữa bệnh tại phòng khám (kèm theo bản photo đã công chứng của các giấy chứng nhận giả đủ trình độ phiên dịch Tiếng Trung trong khám bệnh, chữa bệnh tại Việt Nam) đưa cho Đào Vinh C1 (là người đại diện theo pháp luật của Công ty) ký hoàn thiện hồ sơ nộp về Sở Y tế thành phố Đ. Bản thân Đào Vinh C1 mặc dù biết những người phiên dịch này không được đào tạo, không được các cơ sở đào tạo cấp giấy chứng nhận theo quy định, biết các giấy chứng nhận đủ trình độ phiên dịch Tiếng Trung trong khám bệnh, chữa bệnh tại Việt Nam do Đại học Y dược Thành phố H cấp mà Nguyễn Thị Thúy bỏ trong hồ sơ gửi Sở Y tế thành phố Đ là giả nhưng Đào Vinh C1 vẫn ký các công văn, danh sách đăng ký hành nghề khám chữa bệnh tại Phòng khám để Nguyễn Thị T2 nộp các bộ hồ sơ này về Sở Y tế thành phố Đ theo quy định. Sau khi nhận hồ sơ do Nguyễn Thị T2 nộp, Sở Y tế thành phố gửi danh sách người hành nghề về Bộ Y1 để theo dõi, quản lý, đồng thời, đăng tải danh sách đăng ký người hành nghề của Phòng khám với đầy đủ các thông tin quy định lên Trang thông tin điện tử của Sở Y.

Trong khoảng thời gian từ 2018 đến 06/2023, Ke J, Nguyễn Thị T2 đã nhiều lần (không nhớ số lần cụ thể) gửi thông tin, hình ảnh của nhân viên công ty cho Diệp Lệ N1 để nhờ Diệp Lệ N1 làm giả 21 giấy chứng nhận đủ trình độ phiên dịch Tiếng Trung trong khám bệnh, chữa bệnh tại Việt Nam do Đại học Y dược Thành phố H cấp (có danh sách kèm theo). Tổng số tiền mà Ke Jin P đã nhờ D2 Trần Bách B1 và Zeng Xinh X (sinh năm 1990; quốc tịch: Trung Quốc, là nhân viên phòng khám) chuyển cho Diệp Lệ N1 để làm giả các giấy chứng nhận đủ trình độ phiên dịch Tiếng Trung trong khám bệnh, chữa bệnh tại Việt Nam là 84.510.000 đồng.

Nguyễn Thị T2 đã nhiều lần (không nhớ số lần) đưa các giấy chứng nhận đủ trình độ phiên dịch Tiếng Trung trong khám bệnh, chữa bệnh tại Việt Nam giả cho Dương Trần Bách B1, Đinh Văn M mang đến các cơ quan có thẩm quyền để công chứng, chứng thực. Trong đó:

- Phòng Tư pháp quận Cẩm Lệ đã chứng thực 08 giấy chứng nhận đủ trình độ phiên dịch Tiếng Trung trong khám bệnh, chữa bệnh tại Việt Nam;

- UBND phường K, quận C đã chứng thực 02 giấy chứng nhận đủ trình độ phiên dịch Tiếng Trung trong khám bệnh, chữa bệnh tại Việt Nam giả;

- Văn phòng C4 đã công chứng 02 giấy chứng nhận đủ trình độ phiên dịch Tiếng Trung trong khám bệnh, chữa bệnh tại Việt Nam giả;

- Văn phòng C5 đã công chứng 11 giấy chứng nhận đủ trình độ phiên dịch Tiếng Trung trong khám bệnh, chữa bệnh tại Việt Nam giả;

- Văn phòng C6 đã công chứng 01 giấy chứng nhận đủ trình độ phiên dịch Tiếng Trung trong khám bệnh, chữa bệnh tại Việt Nam giả.

Sau đó, Đào Vinh C1 và Nguyễn Thị T2 đã 11 lần lập hồ sơ gồm: công văn, danh sách đăng ký hành nghề khám chữa bệnh kèm theo các bản photo giấy chứng nhận đủ trình độ phiên dịch Tiếng Trung trong khám bệnh, chữa bệnh tại Việt Nam do Đại học Y dược Thành phố H cấp giả nộp về Sở Y tế thành phố Đ để làm thủ tục đăng ký hành nghề, bổ sung đăng ký hành nghề cho các bác sĩ là người Trung Quốc làm việc tại phòng khám.

Ngoài ra, vào ngày 16/02/2023 Nguyễn Văn V3 (là đại diện Phòng khám) ký biên bản thẩm định với Sở Y tế thành phố Đ về việc cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, sau đó đưa biên bản thẩm định này cho Nguyễn Thị T2. Nguyễn Thị T2 mang biên bản thẩm định nộp lại cho Sở Y tế thành phố Đ và theo yêu cầu bổ sung hồ sơ của Sở Y tế thành phố Đ, Nguyễn Thị T2 đã đính kèm thêm 04 bản photo Giấy chứng nhận đủ trình độ phiên dịch Tiếng Trung trong khám bệnh, chữa bệnh tại Việt Nam giả của Ngô Thị Thanh T4, Lý Tú D3, Dương Thục C2, Nguyễn Thị Thúy N3 gửi cho Sở Y tế thành phố Đ.

Tại kết luận giám định số: 258/KL-KTHS ngày 03/4/2024 của Phòng K3 Công an thành phố Đ kết luận:

1. Chữ ký mang tên PGS.TS Võ Tấn S trên mẫu cần giám định ký hiệu A1-A8 được in ra, không phải do người có mẫu chữ ký đứng tên PGS.TS Võ Tấn S trên các mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M3 ký ra.

2.1. Chữ ký mang tên PGS.TS Trần Diệp T5 trên mẫu cần giám định ký hiệu A9 đến A20 được in ra, không phải do người có mẫu chữ ký đứng tên PGS.TS Trần Diệp T5 trên các mẫu so sánh ký hiệu M4 đến M9 ký ra.

2.2. Chữ ký mang tên PGS.TS Trần Diệp T5 trên mẫu cần giám định ký hiệu A21 đến A25 so với chữ ký đứng tên PGS.TS Trần Diệp Tuấn trên các mẫu so sánh ký hiệu M4 đến M9 do cùng một người ký ra.

3.1. Hình dấu có nội dung vòng trong "ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH", nội dung vòng ngoài "BỘ Y TẾ" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 đến A8 được in ra, không phải do con dấu có hình dấu mẫu cùng nội dung trên các mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M6 đóng ra.

3.2. Hình dấu có nội dung vòng trong "ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH", nội dung vòng ngoài "BỘ Y TẾ" trên mẫu cần giám định ký hiệu A9 đến A20 được in ra, không phải do con dấu có hình dấu mẫu cùng nội dung trên các mẫu so sánh ký hiệu M7 đến M9 đóng ra.

3.3. Hình dấu có nội dung vòng trong "ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH", nội dung vòng ngoài "BỘ Y TẾ" trên mẫu cần giám định ký hiệu A21 đến A24 so với hình dấu có cùng nội dung trên các mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M6 do cùng một con dấu đóng ra.

3.4. Hình dấu có nội dung vòng trong "ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH", nội dung vòng ngoài "BỘ Y TẾ" trên mẫu cần giám định ký hiệu A25 so với hình dấu có cùng nội dung trên các mẫu so sánh ký hiệu M7 đến M9 do cùng một con dấu đóng ra.

Tại Kết luận giám định số: 734/KL-KTHS ngày 12/9/2024 của Phòng K3 Công an thành phố Đ kết luận: Chữ ký mang tên Đào Vinh C1 trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A8 so với chữ ký của Đào Vinh C1 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 do cùng một người ký ra.

Tại Kết luận giám định số: 2491/KL-KTHS ngày 27/11/2024 của Phân Viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng kết luận:

1. Chữ ký mang tên Trần Thị Bảo K1 trên các mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A19) so với chữ ký của Trần Thị Bảo K1 trên mẫu so sánh (ký hiệu M1) do cùng một người ký ra.

2. Chữ ký mang tên Đặng Thanh H3 trên các mẫu cần giám định (ký hiệu từ A20 đến A25) so với chữ ký của Đặng Thanh H3 trên mẫu so sánh (ký hiệu M2) do cùng một người ký ra.

3. Hình dấu tròn có nội dung "PHÒNG TƯ PHÁP Q. CẨM LỆ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG * CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM *" trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A1 đến A25 so với hình dấu có cùng nội dung trên mẫu so sánh (ký hiệu M3 đến M5) do cùng một con dấu đóng ra.

4. Chữ ký mang tên Nguyễn Thị T6 trên các mẫu cần giám định (ký hiệu từ A26 đến A30) so với chữ ký của Nguyễn Thị T6 trên mẫu so sánh (ký hiệu M6) do cùng một người ký ra.

5. Hình dấu tròn có nội dung "ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG KHUÊ TRUNG – Q.CẨM LỆ - TP . *" trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A26 đến A30) so với hình dấu có cùng nội dung trên mẫu so sánh (ký hiệu M7) do cùng một con dấu đóng ra.

6. Chữ ký mang tên Trần Thế S1 trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A31) so với chữ ký của Trần Thế S1 trên mẫu so sánh (ký hiệu M8) do cùng một người ký ra.

7. Hình dấu tròn có nội dung "U.B.N.D PHƯỜNG THẠCH THANG – Q. HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG *" trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A31) so với hình dấu có cùng nội dung trên mẫu so sánh (ký hiệu M9) do cùng một con dấu đóng ra.

8. Chữ ký mang tên Nguyễn Đức B2 trên các mẫu cần giám định (ký hiệu từ A32 đến A56) so với chữ ký của Nguyễn Đức B2 trên mẫu so sánh (ký hiệu M10) do cùng một người ký ra.

9. Chữ ký mang tên Mai Thị N4 trên các mẫu cần giám định (ký hiệu từ A57 đến A60) so với chữ ký của Mai Thị N4 trên mẫu so sánh (ký hiệu M11) do cùng một người ký ra.

10. Hình dấu tròn có nội dung "VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG PHƯỚC NHÂN S.Đ.K.H.Đ: 03 – C.T.H.D * Q - TP. ĐÀ NẴNG *" trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A32 đến A60) so với hình dấu có cùng nội dung trên mẫu so sánh (ký hiệu M12) do cùng một con dấu đóng ra.

11. Chữ ký mang tên Trần Công M1 trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A61, A62) so với chữ ký của Trần Công M1 trên mẫu so sánh (ký hiệu M13) do cùng một người ký ra.

12. Hình dấu tròn có nội dung "VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG TRẦN CÔNG MINH S.Đ.K.H.Đ: 07 – C.T.H.D * Q - TP. ĐÀ NẴNG *" trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A61, A62) so với hình dấu có cùng nội dung trên mẫu so sánh (ký hiệu M14) do cùng một con dấu đóng ra.

13. Chữ ký mang tên Mai Thị Cẩm H4 trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A63, A64) so với chữ ký của Mai Thị Cẩm H4 trên mẫu so sánh (ký hiệu M15) do cùng một người ký ra.

14. Hình dấu tròn có nội dung "VĂN PHÒNG C7.Đ.K.H.Đ: 16 – C.T.H.D * Q. HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG *" trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A63, A64) so với hình dấu có cùng nội dung trên mẫu so sánh (ký hiệu M16) do cùng một con dấu đóng ra.

Tại biên bản làm việc ngày 05/8/2024, đại diện trường Đại học Y Dược Thành phố H xác nhận:

1. Từ trước đến nay, Đại học Y dược thành phố H không cấp Giấy chứng nhận đủ trình độ phiên dịch Tiếng Trung trong khám bệnh, chữa bệnh tại Việt Nam theo các thông tin dưới đây:

- Giấy chứng nhận số 21108/A002/GCN-ĐTNL ngày 28/9/2016, cấp theo Quyết định số 1890/QĐ-ĐHYD ngày 28/9/2016;

- Giấy chứng nhận số 21870/A002/GCN-ĐTNL ngày 26/6/2017, cấp theo Quyết định số 1961/QĐ-ĐHYD ngày 26/6/2017;

- Giấy chứng nhận số 21815/A002/GCN-ĐTNL ngày 26/6/2017, cấp theo Quyết định số 1961/QĐ-ĐHYD ngày 26/6/2017;

- Giấy chứng nhận số 21835/A002/GCN-ĐTNL ngày 26/6/2017, cấp theo Quyết định số 1961/QĐ-ĐHYD ngày 26/6/2017;

- Giấy chứng nhận số 21270/A002/GCN-ĐTNL cấp theo Quyết định số 1961/QĐ-ĐHYD ngày 26/6/2017;

2. Trung tâm Đ1 y tế theo nhu cầu xã hội thuộc Đại học Y Dược thành phố H không cấp "Giấy chứng nhận đủ trình độ phiên dịch Tiếng Trung trong khám bệnh, chữa bệnh tại Việt Nam" với 05 trường hợp gồm: Hồ Gia Ý, CMND số: 024606005, cấp ngày 30/8/2006; Trần Ngọc Y, SN 03/3/1998, CMND số: 272603875, cấp ngày 24/6/2013; Hoàng Thị N5, SN 20/05/1983, CMND số

121446506, cấp ngày 06/10/2012; Lầu Phùng Dếnh, SN 27/10/1995, CMND số 261343708, cấp ngày 06/9/2010; Lý Tú D3, SN 22/10/1988, CMND số 024119368, cấp ngày 24/04/2003.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2025/HS-ST ngày 12/3/2025, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

1. Về tội danh: tuyên bố bị cáo Ke Jin P và bị cáo Diệp Lệ N1 phạm tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"; bị cáo Đào Vinh C1 phạm tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt Ke Jin P 05 (năm) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 02/02/2024. Phạt tiền bổ sung bị cáo 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Căn cứ Điều 37 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Ke Jin P phải rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sau khi chấp hành xong hình phạt tù.

2.2. Căn cứ điểm a, c khoản 3, khoản 4 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt Diệp Lệ N1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 20/11/2024. Phạt tiền bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

2.3. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt Đào Vinh C1 03 (ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 02/02/2024. Phạt tiền bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị T2, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

- Ngày 23/3/2025, bị cáo Ke Jin P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 27/3/2025, các bị cáo Diệp Lệ N1, Đào Vinh C1 kháng cáo với cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Ke Jin P, Diệp Lệ N1, Đào Vinh C1 giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Ke Jin P, Diệp Lệ N1 và Đào Vinh C1, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm cho mỗi bị cáo một phần hình phạt.

Luật sư bào chữa của các bị cáo nhất trí với tội danh và điều luật mà Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét đối với các bị cáo. Những người bào chữa cho các bị cáo đều nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên toà, đồng thời đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ mới mà các bị cáo đáng được hưởng tại phiên toà phúc thẩm để qua đó cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, xem xét ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong các ngày 23/3/2025 và ngày 27/3/2025, các bị cáo Ke Jin P, Diệp Lệ N1 và Đào Vinh C1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đơn kháng cáo của bị cáo có xác nhận của Trại giam Công an thành phố Đ, trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về tội danh đối với các bị cáo:

Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến tháng 06/2023, để hoàn thiện hồ sơ đăng ký hành nghề, bổ sung đăng ký hành nghề cho các bác sĩ người Trung Quốc làm việc tại Phòng khám Đ và nhằm giảm chi phí, tăng thu cho hoạt động của Phòng khám, K2 đã nhiều lần thu thập và gửi thông tin, hình ảnh của các nhân viên phiên dịch làm việc tại phòng khám cho bị cáo Diệp Lệ N1 để nhờ làm giả giấy chứng nhận đủ trình độ phiên dịch tiếng Trung trong khám bệnh, chữa bệnh tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là GCN giả) do Đại học Y dược thành phố H cấp. Diệp Lệ N1 biết mục đích làm các GCN giả này là để hoàn thiện hồ sơ đăng ký hành nghề, bổ sung đăng ký hành nghề cho các bác sĩ là người Trung Quốc làm việc tại Việt Nam nhưng vẫn đồng ý giúp Ke J làm giả các giấy chứng nhận với giá từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/1 GCN giả. Tổng số GCN giả mà K2, Diệp Lệ N1 phải chịu trách nhiệm hình sự là 21 tài liệu; Diệp Lệ N1 thu lợi bất chính tổng số tiền 84.510.000 đồng. Bị cáo Đào Vinh C1 với tư cách là Giám đốc – người đại diện theo pháp luật của Công ty D4 mặc dù biết những người phiên dịch có tên trong danh sách không được đào tạo, không được các cơ sở đào tạo có thẩm quyền

cấp GCN, biết các GCN mà Nguyễn Thị T2 kèm theo hồ sơ là GCN giả, nhưng bị cáo C1 vẫn cùng với T2 11 lần sử dụng các bản photo của các GCN giả này gửi kèm theo hồ sơ đăng ký hành nghề, bổ sung đăng ký hành nghề cho các bác sĩ người Trung Quốc làm việc tại phòng khám gửi về Sở Y tế thành phố Đ để hoàn thiện hồ sơ.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết tội Ke J, Diệp Lệ N1 "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; riêng bị cáo Diệp Lệ N1 còn phạm tội thuộc trường hợp "Thu lợi bất chính từ 50 triệu đồng trở lên" quy định tại điểm c khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; Đào Vinh C1 "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo trong vụ án, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo như sau:

[3.1]. Bị cáo Ke Jin P là người khởi xướng, chỉ đạo Nguyễn Thị T2 thu thập hình ảnh, thông tin của các nhân viên phiên dịch gửi cho bị cáo N1 để đặt làm GCN giả, 05 lần chỉ đạo chuyển tiền thanh toán cho bị cáo N1, bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với 21 GCN giả, thực hiện hành vi vì mục đích lợi nhuận của Công ty; phạm tội thuộc trường hợp 02 lần trở lên; bị cáo là người giữ vai trò chính, phải chịu hình phạt cao nhất trong vụ án.

[3.2]. Bị cáo Diệp Lệ N1 mặc dù biết mục đích P nhờ làm giả các GCN để hoàn thiện hồ sơ đăng ký hành nghề cho các bác sĩ là người Trung Quốc làm việc tại Việt Nam nhưng vẫn đồng ý giúp P để thu lợi bất chính; nhiều lần tiếp nhận và gửi thông tin do Ke Jin Peng cung cấp để thuê đối tượng trên mạng xã hội làm giả GCN giúp Ke Jin Peng hoàn thành được mục đích của việc phạm tội, thu lợi bất chính tổng số tiền 84.510.000 đồng, phạm tội thuộc trường hợp 02 lần trở lên, giữ vai trò giúp sức nên hình phạt thấp hơn bị cáo Ke Jin P.

[3.3]. Bị cáo Đào Vinh C1 không biết, không tham gia vào các công đoạn làm giả các GCN trên, nhưng khi được Nguyễn Thị Thúy trình hồ sơ mặc dù biết các GCN gửi kèm hồ sơ đăng ký hành nghề do T2 lập là giả, những người phiên dịch có tên trong danh sách kèm GCN không được đào tạo, không được các cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp GCN nhưng vẫn 11 lần ký đóng dấu vào Văn bản và danh sách đăng ký hành nghề nộp về Sở Y tế, qua đó giúp cho K2 hoàn thành được mục đích của việc phạm tội nên cũng phải có mức hình phạt tương xứng so với các bị cáo khác.

[3.4]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến uy tín, hoạt động đúng đắn bình thường của các cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý

về con dấu, tài liệu; ảnh hưởng xấu đến hoạt động quản lý Nhà nước trong lĩnh vực hành nghề khám chữa bệnh là một trong những ngành nghề đặc thù, có điều kiện của tổ chức, cá nhân; gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội của địa phương nên cần thiết phải có mức hình phạt đủ nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thời gian nhất định mới đảm bảo được tính răn đe, cải tạo, giáo dục cũng như công tác phòng ngừa chung.

[3.5]. Tuy nhiên cũng cần xem xét quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu; đều có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính nuôi con chưa thành niên; sau khi phạm tội, bị cáo Diệp Lệ N1 đầu thú, tác động gia đình nộp phần lớn số tiền thu lợi bất chính 84.151.000 đồng/84.510.000 đồng; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Ke Jin P tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, khai ra người đồng phạm là bị cáo N1 (còn gọi là Diệp Lệ T7) nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo; sau khi đánh giá tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Ke Jin P 05 năm tù, Diệp Lệ N1 03 năm 06 tháng tù, Đào Vinh C1 03 năm tù là phù hợp; riêng bị cáo Ke Jin P là người nước ngoài phạm tội tại Việt Nam, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 37 của Bộ luật Hình sự buộc bị cáo phải rời khỏi lãnh thổ nước Việt Nam sau khi chấp hành xong hình phạt tù là đúng pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cung cấp tài liệu, cụ thể: bị cáo Ke Jin P đã nộp khoản tiền phạt bổ sung 30.000.000đ và 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quyết định của Bản án sơ thẩm; Diệp Bảo N6 đã nộp khoản tiền phạt bổ sung 20.000.000đ, án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ và số tiền thu lợi bất chính còn lại 359.000đ theo quyết định của Bản án sơ thẩm. Đào Vinh C1 đã nộp khoản tiền phạt bổ sung 10.000.000đ và án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ theo quyết định của Bản án sơ thẩm; có hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận; ông ngoại bị cáo C1 là ông Lê Sỹ T8 là người có công với N7 trong kháng chiến chống Mỹ. Tài liệu các bị cáo cung cấp thể hiện thái độ ăn năn hối cải của các bị cáo, ý thức tôn trọng và chấp hành phán quyết của Toà án. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng để chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, giảm cho mỗi bị cáo một phần hình phạt như đề nghị của Kiểm sát viên và những người bào chữa cho các bị cáo tại phiên toà. Các khoản tiền các bị cáo nộp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm được khấu trừ trong quá trình thi hành án.

[4]. Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Ke Jin P, Diệp Lệ N1 và Đào Vinh C1 không phải chịu.

[5]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Ke Jin P, Diệp Lệ N1, Đào Vinh C1. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2025/HS-ST ngày 12/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về phần hình phạt đối với các bị cáo.

2. Về tội danh và hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38; Điều 37 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Ke Jin P 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 02/02/2024.

Buộc bị cáo Ke Jin P phải rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sau khi chấp hành xong hình phạt tù.

2.2. Áp dụng các điểm a, c khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Diệp Lệ N1 03 (ba) năm tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 20/11/2024.

2.3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Đào Vinh C1 02 (hai) năm tù về tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 02/02/2024.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Ke Jin P, Diệp Lệ N1, Đào Vinh C1 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao – Vụ GĐKT I;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Sở Ngoại vụ TP Hồ Chí Minh;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT; Phòng HSNV; Cơ quan THAHS – Công an thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam - Công an thành phố Đà Nẵng;
(05 bản, 03 bản giao cho các bị cáo);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đức Kiên